

KINH 1246. LUYỆN KIM<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật trú tại thành Vương xá, tại trú xứ của người thợ vàng. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người đúc vàng, gom đất cát lại bỏ vào máng. Sau đó dùng nước dội lên. Những thứ nặng thô, tạp uế và các thứ đá vụn<sup>2</sup>, đất rắn, theo nước trôi đi. Nhưng những hạt cát thô vẫn còn kết dính. Lại dùng nước dội vào; những hạt cát thô ấy theo nước trôi đi. Sau đó mới có vàng nguyên<sup>3</sup>, nhưng vẫn bị những thứ cát mịn bị đất đen kết dính. Lại dùng nước dội lên, những hạt cát mịn, đất đen theo nước trôi đi. Sau đó còn lại vàng ròng thuần tịnh không tạp. Nhưng vẫn còn cấu bợn rất nhỏ, tợ vàng. Tiếp đó, người thợ vàng đem nó bỏ vào lò, thụt ống bệ để tăng lửa cho nó tan thành dung dịch, loại bỏ hết cấu bợn. Nhưng vàng nguyên vẫn chưa nhẹ, chưa mềm, chưa phát ánh sáng; gấp lại, kéo ra, còn bị gãy. Người luyện vàng hay người đệ tử luyện vàng lại phải bỏ vào lò, thụt bệ cho lửa tăng, lật qua, lật lại để hun đúc, sau cùng, vàng nguyên mới nhẹ mềm, trở thành bóng loáng, gấp, kéo, không bị gãy, tùy theo ý muốn, làm các loại đồ trang sức như xoa, bông tai, vòng, xuyên.

“Tỳ-kheo tiến hưởng tịnh tâm<sup>4</sup> cũng như vậy. Những phiền não thô đang quán chặt<sup>5</sup>, nghiệp ác bất thiện, các tà kiến ác, dần dần được đoạn trừ khiến cho tiêu diệt; như vàng nguyên kia phải loại bỏ đi những đá vụn, đất rắn.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hưởng tịnh tâm tiếp đến từ bỏ những cấu

1. Ấn Thuận, “Tụng vii. Như Lai sở thuyết; 49. Tương ưng thí dụ”, mười chín kinh, Đại Chánh, 1246-1264. –Đại Chánh, kinh 1246, tương đương Pāli, A.3. 100. *Suvaṇṇakāra* (phần đầu).
2. Nguyên bản, trên chữ cương thạch 剛石, có bốn chữ: thô thượng phiền não 麤上煩惱, Ấn Thuận lược bỏ vì cho là dư thừa theo ngữ cảnh. Nhưng bản Pāli nói: *o lārika upakkilesā*, trong đó *upakkilesā* bản Hán hiểu là “thượng phiền não” thay vì là “các thứ tạp uế”.
3. Sanh kim 生金. Pāli: *jātarūpa*, vàng nguyên, chưa chế biến.
4. Pāli: *adhicittam anuyuttasa bhikkhuno*, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm (tu định).
5. Trên kia dịch: thô thượng phiền não. Pāli: *O lārikā upakkilesā*.

bợn thô như đục giác, nhuế giác, hại giác<sup>6</sup>; như vàng nguyên được loại bỏ cát sạn thô.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm tiếp tục loại bỏ những cấu bợn vi tế như giác tưởng về thân tộc, giác tưởng vì nhân chúng, giác tưởng về sanh thiên, bằng tư duy mà loại trừ; như vàng nguyên kia được loại bỏ đi bụi bặm, cát mịn, đất đen.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tiến hướng tịnh tâm, khi có giác tưởng về thiện pháp<sup>7</sup>, bằng tư duy mà trừ diệt, cho tâm thanh tịnh; giống như vàng nguyên được loại bỏ đi những cấu bợn có màu như vàng ròng, để trở thành thuần tịnh.

“Lại nữa, Tỳ-kheo đối với các tam-muội được duy trì bởi hữu hành<sup>8</sup>, cũng giống như ao nước có bờ giữ chung quanh. Còn được duy trì bởi pháp, thì không được tịch tĩnh, thắng diệu, không được sự an lạc của chỉ tức, diệt tận các hữu lậu; như thầy trò thợ vàng đãi lọc vàng nguyên, loại bỏ những cấu bẩn, nhưng chưa nhẹ, chưa mềm, chưa trở thành bóng loáng, uốn lại kéo ra bị gãy, không thể làm đồ trang sức theo ý muốn được.

“Lại nữa, Tỳ-kheo khi đã đắc các tam-muội, không cần được duy trì bởi hữu hành, được tịch tĩnh thắng diệu, được con đường dẫn đến an lạc của chỉ tức, nhất tâm nhất ý, diệt tận các hữu lậu; như thầy trò thợ vàng luyện lọc vàng nguyên cho đến khi nó nhẹ, mềm, bóng loáng, tùy ý uốn vào kéo ra.

“Lại nữa, Tỳ-kheo lià các giác quán, cho đến đắc đệ Nhị, đệ Tam, đệ Tứ thiền; chánh thọ như vậy thuần nhất thanh tịnh, lià các phiền não, nhu nhuyễn, chân thật, bất động. Nếu muốn tác chứng các nhập xứ kia<sup>9</sup> tất có thể được tác chứng; như thợ vàng, luyện lọc vàng nguyên đến mức nhẹ, mềm, bóng loáng, không gãy, muốn làm đồ gì tùy theo ý muốn. Cũng vậy, Tỳ-kheo chứng nhập tam-muội<sup>10</sup>,... cho

---

6. Ba bất thiện tâm. Pāli: tayo akusalavitakkā, kāmavitakko, vyāpādavittakko, vihiṃsavittakko, tham dục, thù hận, ác hại.

7. Chỉ ba thiện tâm. Pāli: tayo kusalavitakkā: nekkhammavitakko, avyāpādavittakko, avihimsavitakko, viễn ly tâm, vô sân tâm, bất hại tâm.

8. Pāli: abhisamkūra, sự nỗ lực thực hành. sự dụng công.

9. Chỉ bốn xứ của vô sắc định.

10. Tam-muội chánh thọ 三昧正受.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đến đối các nhập xứ, đều có thể tác chứng được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M